

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 tháng 10 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàng;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1991; địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc H chung sống với nhau từ năm 2007, đến ngày 11-7-2011 thì tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà, nghiện ma túy và mỗi khi về thường hay gây sự đánh đập chị B. Nay chị B thấy mâu thuẫn vợ chồng cũng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc H có 02 con chung tên là Nguyễn Bạch T, sinh ngày 29-10-2007 và Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 26-9-2013. Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả cháu T và cháu Q cho chị B chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Chị B hiện nay vừa buôn bán, vừa làm nông thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng, bảo đảm đủ khả năng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con đến khi con thành niên và anh H hiện nay nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 16-7-2019 và lời khai tại Biên bản hòa giải ngày 22-7-2019, bị đơn Nguyễn Quốc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc H và chị Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ năm 2007, đến ngày 11-7-2011 thì tự nguyện đăng ký kết hôn như chị B trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà và cũng có nóng nảy đánh đập chị B. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh H thấy mâu thuẫn vợ chồng cũng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Quốc H và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung tên là Nguyễn Bạch T, sinh ngày 29-10-2007 và Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 26-9-2013. Nếu ly hôn anh H và chị B thống nhất, anh H nhận nuôi cháu T và giao cháu Q cho chị B nuôi đến khi con thành niên, anh H và chị B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin trình bày ngày 24-7-2019, anh Nguyễn Quốc H thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận của mình tại Biên bản hòa giải ngày 22-7-2019, anh H đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân; Bản sao Sổ hộ khẩu; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Bạch T và Nguyễn Quốc Q; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai của chị B và anh H; Bản trình bày của anh H và chị B; Đơn xin trình bày của anh H; Biên bản làm việc của Tòa án; Biên bản xác minh của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Nghệ An vào ngày 11-7-2011. Chị B và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung giữa chị B và anh H có xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh H nghiện ma túy, thường xuyên đi làm ăn xa nhà và mỗi khi về thường hay gây sự đánh đập chị B. Anh H có nguyện vọng được hòa giải đoàn tụ nhưng không chấp hành pháp luật,

không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tiến hành và cũng không có mặt tại phiên tòa để thể hiện thiện chí của mình. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh H đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc H có 02 con chung tên là Nguyễn Bạch T, sinh ngày 29-10-2007 và Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 26-9-2013. Chị B yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả cháu T và cháu Q cho chị B chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Anh H có nguyện vọng được nuôi cháu T và giao cháu Q cho chị B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu T và cháu Q hiện đang sống ổn định cùng chị B, nguyện vọng nuôi con của chị B phù hợp với nguyện vọng của cháu T, chị B hiện có việc làm và thu nhập ổn định, anh H có nguyện vọng được nuôi cháu T nhưng không chấp hành pháp luật, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có thiện chí hòa giải để được nuôi con nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị B, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh H. Chị B và anh H đều không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Quốc H là cháu Nguyễn Bạch T, sinh ngày 29-10-2007 và Nguyễn Quốc Q, sinh ngày 26-9-2013 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã

nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 00056900 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND thị trấn K;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính